

Biên Giới Việt Nam Với Tàu Và Thái Lan

TRẦN VĂN THU

Nhơn dịp 60 năm sau năm 1941, Thái Lan suýt chiếm phần lãnh thổ Bắc Việt Nam có túi da beo sắc tộc Thái ở, tôi xin nhắc lại đây vài trang sử.

Tôi viết bài này không cố ý ca tụng Pháp mong bạn đọc và hiểu cho- mà chỉ kể lại sự việc cuối cùng lịch sử trước đây về biên giới với Tàu và Thái Lan, vì lịch sử rất cần cho tương lai. Ngoài ra, tôi còn mong cho bạn đọc thấy rằng biển cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam.

Hơn một năm đã qua, trước lễ Giáng Sinh 1999, tôi được nghe đài RFI (Radio France International), đài phát thanh quốc tế Pháp, báo tin Chánh phủ Bắc Kinh và Chánh phủ Hà Nội ký kết thỏa hiệp về biên giới. Tôi mong tìm được để đọc bản văn và bản đồ chính thức, nhưng không thấy công bố gì hết! Thật là một bí mật quốc gia mà công dân không được quyền biết! Ngày 09-06-2000, đài RFI loan báo thỏa hiệp trên được quốc hội Hà Nội phê chuẩn và Chánh phủ Bắc Kinh đã dời hàng trăm trụ mốc biên giới về phía Nam (trong số 300 mà ngày trước Tàu và Pháp đã cắm chung).

Kể từ cuộc xung đột đẫm máu 1979 giữa Chánh phủ Bắc Kinh và Chánh phủ Hà Nội, biên giới lãnh địa có thêm một số điểm đáng buồn tủi cho người dân Việt yêu nước, như đường dây này tiếp tục “nam tiến” hay mỗi ngày trở nên thêm lỏng lẻo đối với hệ thống buôn lậu, vãn vãn... Về lãnh hải thì, một mặt, thủ tướng Phạm văn Đồng đã ký giấy dâng Hoàng Sa cho Chánh phủ Bắc Kinh từ thuở nào rồi, nay thì mực đã khô! Mặt khác, tập



chí La Documentation Francaise của Phủ Thủ Tướng Pháp, nguyệt san số 399 đặc biệt về liên quan giữa Tàu và Đông Dương, tháng 5 năm 1995, đăng: “Để bình thường hóa ngoại giao với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, sau khi rút khỏi Cao Miên, quốc trưởng (cựu tư lệnh quân đội Chánh phủ Hà Nội ở xứ này), tướng Lê đức Anh, năm 1993, đã bí mật ra lệnh hoàn toàn rút khỏi quần đảo Trường Sa”. Đúng là một cuộc bỏ ngõ không kèn trống. Tuy nhiên, theo tài liệu khác thì Chánh phủ Hà Nội còn đóng tại Trường Sa đến một lữ đoàn (? brigade).

Chánh phủ Bắc Kinh chứng minh cho thế giới thấy năm bằng cớ mà Chánh Phủ Hà Nội đã nhìn nhận Hoàng Sa là của Tàu:

1- Biên bản buổi họp Hà Nội - Bắc Kinh ngày 15-06-1958, hai bên đồng ký.

2- Biên bản buổi họp ngày 14-09-1-958 Hà Nội - Bắc Kinh, hai bên đồng ký, Hà Nội xác nhận đúng bản tuyên ngôn quốc tế của Bắc Kinh ngày 4-09-1958.

3- Báo Nhân Dân của Hà Nội, trang 1, ngày 10-05-1956, xác nhận Hoàng Sa là của Tàu. Ngày hôm sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng lên tiếng xác nhận bài của báo Nhân Dân là đúng.

4- Trong cuộc hải chiến giữa hải quân VNCH và hải quân Tàu năm 1974, ông Phạm văn Đồng đứng lên binh vực Tàu.

5- Khi tổ chức quốc tế khí tượng giao phó cho Đài Loan trách nhiệm kỹ thuật vùng Hoàng Sa thì Hà Nội không phản đối. (Chúng ta nên nhớ là VNCH đã có đài quan sát khí tượng nơi đó từ trước).

Tôi xin viết lại sau đây vài sự việc đáng lưu ý trong các tài liệu của quân đội Pháp trước năm 1954 mà không vào chi tiết từng đoạn của biên giới.

Trước khi người Pháp đến đô hộ Bắc Việt Nam, dân tộc Tàu và dân tộc Việt Nam chưa có một ý niệm về một đường biên giới rõ rệt vẽ trên bản đồ theo ý nghĩa của tây phương. Giữa hai lãnh thổ có một vùng trái độn nơi đó hai dân tộc (thật ra là nhiều dân tộc thiểu số, người tự cho là Tàu, người tự cho là Việt Nam) chung sống, vùng này rộng hẹp, khi “bắc tiến”, khi “nam tiến” tùy theo thăng trầm của lịch sử. Vả lại, lúc Việt Nam mạnh nhất thì Tàu cũng xem là nước chư hầu trong vòng đai thứ hai của địa thế chánh trị “ba thế giới” của họ (théorie des trois mondes), trung tâm vũ trụ là thế giới văn minh của người Hán mà họ phải giữ cho được an lành; vòng đai thứ nhất để bảo vệ an toàn gồm các vùng Mãn Châu, Nội Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng, Vân Nam, Lương Quảng gồm Quảng Đông và Quảng Tây thu nhập vào lãnh thổ Tàu; vòng đai an toàn thứ hai gồm chư hầu Triều Tiên, Ngoại Mông Cổ, các vùng Nam Xi Bê Ri... đánh vòng tới Miến Điện, Xiêm La, Lào, Cao Miên, Hải Nam, Đài Loan và Việt Nam. Chủ tịch Tôn Dật Tiên vẽ lãnh thổ Tàu rộng đến tận... đảo Tích Lan! Ngoài các vòng đai trên là những xứ man dã! Tàu không chấp nhận man dã Âu Mỹ xâm nhập vào vòng đai chư hầu của họ.

Lúc người Pháp mới chiếm được Hà Nội và một số tỉnh ly lớn dọc theo sông ngòi và nhà

buôn Jean Dupuis hoành hành trên sông Hồng Hà, ngoài đội quân trú phòng ở Bắc Việt Nam, Tàu còn xúi dục Giặc Cờ Đen và Cờ Vàng quấy nhiễu các nơi khác cho đến lúc họ bị đuổi chạy đến Đài Loan. Tuy nhiên, có nhiều văn kiện ký kết giữa Tàu và Pháp mà tôi xin chép lại vắn tắt sau đây để các bạn đọc thích sử có thể tìm tham khảo:

- Tháng 09-1842, hội đàm thảo luận về đặc quyền của Pháp trên lãnh thổ Tàu (Pháp sẽ đền đáp lại trong Thỏa Ước (1920?) Trùng Khánh cho người Tàu cư ngụ tại Việt Nam được quyền lợi kinh tế ngang hàng với người Pháp, (xin xem sau).

- 24-04-1844, Hiệp Ước thân hữu, thương mại và thủy vận ký tại Wampoa (Hoàng Phố?).

- 24-11-1858, giá biểu hối đoái và thể thức thương mại ký tại Thượng Hải.

- 03-09-1866, Khế Ước nhờ Pháp xây dựng hải quân công xưởng Fou Tchéou (Hán Khẩu?).

- 14-11-1871, tổng trưởng Rochechouart viết thư cho Tàu về các Vị Cố Đạo truyền giáo.

- 11-05-1884, Sơ Ước Pháp Tàu ký kết giữa Phó Vương chấp chánh Tàu Lý Hưng Thắng, thay mặt Hoàng đế Kouang Siu (Quảng Siêu?) mới 9 tuổi và Hoàng Thái hậu Tseu Hi (Tứ Hi?) và Đặc sứ Pháp Fournier (Hải quân Trung tá thắng trận tiến đến triều đình Tàu và chánh phủ Pháp cho danh nghĩa Đặc Sứ!) mà sau đây là nội dung:

* điều 1: nước Pháp cam kết tôn trọng và bảo vệ không để một nước nào, trong bất kỳ trường hợp nào, tấn công nước Tàu từ biên giới Bắc Việt Nam.

(Tuy nhiên, năm 1940, chúng ta thấy tướng Catroux, toàn quyền Pháp ở Đông Dương cho Nhứt Bồn dùng Bắc Việt tiếp cứu các sư đoàn đang bị lâm nguy ở Quảng Đông. Vì thế, tướng Catroux bị Chánh phủ Vichy triệu hồi, song ông lại chạy sang Luân Đôn đầu quân với De Gaulle. Người thay thế ông là Đô đốc Decoux, một chiến lược gia lão luyện nguyên là Tư lệnh Hải quân Pháp ở Viễn Đông mà tổng hành dinh đóng (tượng trưng) ở Thượng Hải, nhưng soái hạm la Motte Piquet của ông lại

thường trú ở... Cam Ranh).

* điều 2: nước Tàu cam kết rút hết quân đội ra khỏi Bắc Việt Nam và tôn trọng tất cả các Thỏa Ước hiện hữu và tương lai giữa Pháp với xứ "An Nam" (có nghĩa là trục xuất tất cả người Việt Nam chống Pháp và trú ẩn trên lãnh thổ Tàu, tuy nhiên chúng ta vẫn biết Tàu không giữ lời hứa này cho đến cuối thế chiến thứ hai).

Theo Sơ Ước trên thì ngày 06-06-1884, Tàu sẽ không còn quân đóng ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Thất Khê và các điểm đồn trú khác trực thuộc quân khu Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), và ngày 26-06-1884 Tàu không còn quân ở Lao Cay cùng các điểm đồn trú khác trực thuộc quân khu Vân Nam.

Tại Hà Nội, tướng Milot (Bộ binh bắt đầu thay thế Hải quân trong chức vụ tư lệnh trong nội địa) ra lệnh cho Trung tá Dugene chỉ huy Lữ đoàn gồm 900 binh sĩ Pháp, Phi Châu và Bắc Việt cùng 100 phu khiêng vác lên chiếm vùng biên giới tiếp cận Lương Quảng. Lữ đoàn sa vào những ổ phục kích kinh hồn, như là trận Bắc Lê lịch sử của Pháp mà quân Tàu đông gấp 10 lần với đầy đủ khí giới. Nhiều phụ nữ Việt Nam bị Pháp hành quyết vì không dẫn thân cứu lính Pháp bị té lộn hố sâu.

Thủ tướng Pháp Jules Ferry, thuộc tả phái, chỉ thị cho Đô đốc Courbet, cựu sinh viên trường Polytechnique, Tư lệnh sư đoàn Hải quân ra tay. Nên nhớ là trước đó, lúc còn là Đề đốc, Courbet đã thắng Cờ Đen nhiều trận lừng lẫy trên lục địa Bắc Việt.

Courbet thắng trận hải chiến Fou Tchéou (Hán Khẩu?) và Ke Lung, nơi đó người Đức đang đợi ông đại bại trước những chiến hạm của Tàu do Đức mới đóng, trong đó có thiết giáp hạm tối tân. Đô đốc bắn nát tan Hải quân Công xưởng Fou Tchéou mà chính Pháp mới xây dựng cho Tàu. Ông đã lên một chiến thuyền nhỏ đi vào sâu trong sông để quan sát

địa thế và chỉ huy soái hạm từ ngoài biển pháo kích. Hải quân Pháp mạnh, ít nhờ chiến hạm tối tân, nhưng nhờ chiến lược và chiến thuật cao siêu và pháo thủ bắn bá phát bá trúng, trong lúc pháo thủ Á Đông quá kém. Đô đốc quay sang Đài Loan để tận diệt Cờ Đen vừa bỏ chạy sang đây. 800 Thủy quân Lục chiến Pháp đổ bộ bị Cờ Đen giết sạch và Đô đốc bị tử thương.

Tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc được thổ dân Đài Loan bầu làm Tổng thống đầu tiên của Á Châu. 100 ngày sau, 1885, Hải quân Nhật Hoàng lại đến và tắm toàn thể Cờ Đen cùng thổ dân trong biển máu. Nhật Bản ở lại đó đến năm 1945.

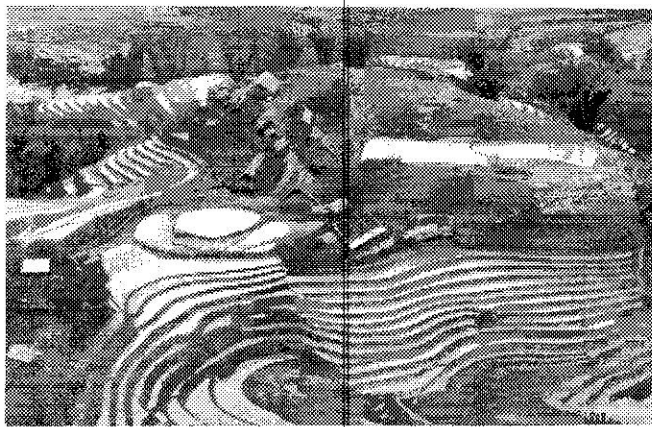
1884, Đế triều Tàu nhượng bộ, và Pháp chiếm được vùng biên giới cũng như trước kia đã chiếm đồng bằng Bắc Việt và cả miền Nam, miền Trung nhờ Hải quân.

Về phía triều đình Việt Nam, lúc bấy giờ Vua Hiệp Hòa, lên ngôi ngày 06-10-1883, bị phe ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường ép uống thuốc độc tự tử ngày 30-11-1883 vì thân Pháp. Vua Kiến Phúc kế vị cũng bị thuốc chết ngày 07-04-1884 và Vua Hàm Nghi kế vị, lúc ấy mới 12 tuổi, dưới sự bảo vệ của Pháp.

Ngày 04-04-1885, Pháp và Tàu ký kết Sơ Ước tại Paris. Chánh phủ Pháp ra lệnh cho quân đội ngưng mọi hành động vượt biên giới Bắc Việt, giải tỏa đảo Đài Loan, quần đảo Pescadores cùng dọc bờ biển Tàu liền sau khi Hoàng Đế Tàu chỉ thị thi hành Thỏa Ước tháng 06-1885 kế tiếp.

Ngày 09-06-1885, tại Trùng Khánh, Pháp và Tàu ký kết Thỏa Ước vĩnh viễn bảo đảm hòa bình, thân hữu và thương mại, với các điều chánh sau đây:

- điều 1. Pháp cam kết tống xuất mấy toán cướp bóc và kẻ gian manh đang phá rối trị an, nhưng Pháp không xâm nhập địa phận Tàu. Nước Tàu cam kết tống xuất những nhóm tụ



hợp ở đó trong toan tính phá rối trị an của Bắc Việt Nam và không gởi quân sang Việt Nam. Hai bên sẽ thảo luận để thực hiện các cuộc tổng xuất đó một cách hữu hiệu.

- điều 2. Tàu sẽ không làm gì cản trở công cuộc “bình định” của Pháp và sẽ tôn trọng tất cả các Thỏa Hiệp giữa Pháp và xứ “An Nam”. Pháp bảo đảm không làm gì để tổn thương đến phẩm cách của người Tàu ở xứ “An Nam” (Thỏa Ước Trùng Khánh 1920, xin xem ở đoạn sau, xác nhận lại điều này).

- điều 3. Hai bên sẽ gởi ủy viên đến vạch đường biên giới và cắm trụ mốc trên địa thế trong vòng 6 tháng.

- điều 9. Quân đội Pháp sẽ rút khỏi Ke Lung, đảo Đài Loan và quần đảo chiến lược Pescadores trên eo biển Đài Loan với lục địa và không khám xét thương thuyền hàng hải Tàu.

Để thi hành Thỏa Ước 09-06-1885, kể từ tháng 8 năm 1885, một phái đoàn Pháp làm việc chung với hai phái đoàn Tàu để ấn định biên giới, một mặt phía Lương Quảng, một mặt phía Vân Nam. Phái đoàn Pháp muốn ấn định theo lịch sử (thời Nguyễn Huệ hay Gia Long?), trong lúc phái đoàn Vân Nam dùng nhiều mảnh khoe kể cả ám sát, nhưng phải nhượng bộ vì Tàu thua trên biển cả. Tuy lúc ấy có hòa bình và thi hải Đô đốc Courbet đang đem về Pháp, song hai Sư đoàn Hải quân lừng lẫy của ông vẫn quá hữu hiệu và còn đó.

Ngày 07-01-1887, ba phái đoàn Pháp Tàu đã hoàn tất công tác chánh. Sau đó, để đáp lại thiện chí của Tàu, chánh phủ Pháp nhường cho Tàu vài hòn đảo và vùng Pack Lung, một túi Tàu trên lãnh thổ Việt cùng giải đất nối liền với Tàu.

Công tác vạch biên giới trên địa thế Bắc Việt cực kỳ nguy hiểm, vì địa thế hiểm trở, vì kháng chiến chống Pháp, vì cướp bóc, vì mảnh khoe của người Tàu nhất là của phó vương Vân Nam, vân vân... Vì thế, sau công tác, Pháp tuyên dương công trạng ông Haice, Phó trưởng đoàn Pháp bị ám sát và các sĩ quan (kỹ sư) địa dư đã chịu đầy gian khổ và hy sinh “cho nước Pháp”.

Từ đó, Pháp thay Tàu đóng quân ở Lạng Sơn, Thất Khê, Đồng Đăng, Lào Cay vân vân...

và tiêu diệt các nhóm kháng chiến Bộ Giáp, Đèo Văn Trí và các nhóm ở tận Nam Việt do Thiên Địa Hội bên Tàu cung cấp vũ khí... Trong việc xây cất đồn lũy, Pháp có một sĩ quan công binh trẻ, cựu sinh viên trường Polytechnique, bắt đầu nổi bật về kỹ thuật cũng như về chiến thuật, lần chiến lược, người sẽ thắng trận La Marne năm 1916 ở Pháp và trở thành Thống chế, tên là Joffre.

Đọc cẩm nang của quân đội Pháp tại Việt Nam, ấn hành năm 1953, tôi đã thấy một đoạn của Thỏa Ước (ký năm 1920? tôi không nhớ rõ) giữa Pháp và Tàu tại Trùng Khánh, tiếp theo tinh thần của điều 2 Thỏa Ước ngày 04-04-1885, ấn định rằng người Tàu được đặc quyền tương tự như người Pháp ở Việt Nam về chánh trị (họ có hành chánh riêng, Ông Bang...), về kinh tế (vay mượn ngân hàng...), về tư pháp, vân vân... Họ chỉ thiếu Tỉnh trưởng và sĩ quan, chức vụ dành cho người Pháp. Nhờ vậy, họ thu mua để dãi lúa gạo ở đồng quê, cũng như người Ấn Độ được để dãi mua bán nhà đất và có vốn cho vay ở thành thị, mà không cần văn kiện chánh thức, đó chỉ là chánh sách bất thành văn mà thôi..., họ được đặt trên dân tộc Việt Nam.

Về biên giới trên biển cả, tôi xin nêu lên hai lỗi lầm lớn của lịch sử. Thứ nhất, Biển Đông của ta mà lại bị Âu Mỹ đặt tên là “South China Sea”, “Mer de Chine du Sud” và “Biển Nam Hải” theo sự chỉ dẫn của người Tàu, trong lúc vua quan và sĩ phu của ta đang bận tự đánh nhau. Trong địa thế chánh trị, địa danh cực kỳ quan trọng, người Tàu đã thấy rõ việc đó từ hàng ngàn năm trước Âu Mỹ. Thứ hai là, năm 1974, Thủ tướng Phạm văn Đồng đã ký văn kiện chánh thức dâng cho Tàu quần đảo Hoàng Sa trong khi chiến hạm VNCH và Tàu đánh nhau; ngoài ra, Huế Kỳ không hỗ trợ tiếp liệu tương ứng để VNCH tự vệ trên mặt biển. Cái may mắn còn lại là trên các văn kiện chính thức, nhất là khi cơ quan Thủy Đạo và Hải Học của Hải quân Pháp vẽ bản đồ thời bấy giờ, Pháp xem các hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Việt Nam mà Tàu không phản ứng.

Vì sao ngày xưa, người ta không tranh nhau các hòn đảo vô vị giữa biển như ngày nay?

Vốn vẹn chỉ vì ngày nay có luật quốc tế về chủ quyền trên biển và biển chứa nhiều nguồn tài nguyên vô tận. Tôi xin tóm tắt luật quốc tế đó:

- hải phận hay vùng an toàn quân sự (mer territoriale), không kể biển nội địa, có thể rộng đến 12 hải lý.

- lãnh hải, hay vùng kinh tế tuyệt đối (zone économique exclusive) có thể rộng đến 200 hải lý.

- thêm lục địa, hay vùng kinh tế mở rộng (plateau continental) là vùng mà đáy biển từ từ nghiêng sâu cho đến khi đổi độ dốc mạnh (changement de pente). Vùng này rộng ít nhất là 200 hải lý, nhiều nhất là 350 hải lý, hoặc 100 hải lý đến khi sâu nhất là 2500 mét.

- biển ngoài các vùng hải phận, lãnh hải, thêm lục địa là của chung của nhân loại.

Nhân dịp viết bài này về biên giới giữa Tàu và Việt Nam, tôi xin viết thêm vài hàng ngoài đề tài, về biên giới giữa Xiêm La và Việt Nam. Quả thật, Xiêm La và Việt Nam, hai láng giềng tuy xa mà kề cận, và suýt có một biên giới chung khá dài ở miền Bắc!

Trong khi quân đội Pháp ở Đông Dương chỉ có trang bị cũ kỹ không đủ sức đối phó với quân đội Nhật Hoàng, thì nước Xiêm La, với sự hậu thuẫn của Nhật Bản năm 1939, đổi tên lại là Thái Lan vì toàn gồm thu cả vùng da beo có nhiều túi dân Thái rải rác, nghĩa là một phần không nhỏ của Bắc Việt Nam và Lào cùng vùng khảo cổ Cao Miên nối liền với vùng khảo cổ Thái Lan. Thái Lan vừa mua được của Âu Châu vài chiến hạm tối tân hầu khi cần đương đầu với Pháp. Thái Lan xâm nhập lãnh thổ “Đông Pháp” nhiều phen, cùng xúi giục dân chúng nổi loạn.

Toàn quyền Decoux ra lệnh cho Hải quân Đại tá Béranger, cật chỉ huy trưởng soái hạm của ông, ra tay trước, chỉ huy Hải đoàn đến tiêu diệt đoàn chiến hạm của Thái Lan ở Kok

Chang ngày 17-01 năm 1941. Một chiến công lừng lẫy giữa chiến hạm cũ kỹ của Pháp với pháo thủ tuyệt vời đánh chiến hạm mới toanh của Thái Lan với thủy thủ yếu kém và với sự hỗ trợ đầu diêm của Nhật Bản mà lịch sử không muốn kể lại vì Decoux thuộc chánh phủ Vichy.

Từ đó mà có xứ Lào ngày nay.

Nhật Bản nhảy vào can thiệp và ép Pháp phải nhượng hữu ngạn sông Cửu Long cùng gần hết hai tỉnh Đông Bắc Cao Miên cho Thái Lan. Vua của xứ Luang Prabang (Lào) buồn và đòi thoái vị. Toàn quyền Decoux phải gom thu tất cả các xứ nhỏ như Vạn

Tượng vân vân... lại thành xứ Lào và tặng cho Vua xứ Luang Prabang để an ủi

Giả sử sĩ quan Hải quân Pháp kém sức và không ra tay trước thì chắc chắn Hải đoàn Pháp phải bị thiết giáp hạm Thái Lan tối tân hơn tiêu diệt và Việt Nam chúng ta tất có biên giới chung với Thái Lan ở Bắc Việt!

Khi Nhật Bản thua trận thế chiến thứ hai, Thái Lan phải trả lại cho Lào và Cao Miên phần đất đã chiếm và khiêm tốn tự đặt lại là Xiêm La trong một thời gian. Nhưng đến năm 1949, Chánh phủ Bắc Kinh tiến đến biên giới Bắc Việt Nam, Pháp bị sa lầy, xứ ấy lấy lại tên trước là Thái Lan để hy vọng...

Ngày nay, trên biên giới Thái Lan-Lào, Thái Lan rút rất nhiều nước sông Cửu Long cho hệ thống dẫn thủy nhập điền của họ, làm đồng bằng miền Nam Việt Nam hụt nước và không còn trù phú như xưa nữa, và Thái Lan đang tiếp tục mở rộng thêm hệ thống rút nước này cũng như Tàu đang làm ở phương Bắc. Để kết luận tôi chỉ có một câu của Bà Huyện Thanh Quan:

“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc”.

Trần Văn Thu
Tháng 04 năm 2001

